

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1104/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Bùi Thị Cẩm Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ai Long**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2141/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐXX- DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà TTTN, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Cư trú: Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông PMH, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Cư trú: đường D3, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 và bản tự khai của nguyên đơn tại Tòa án thì nội dung sự việc như sau:

Bà TTTN và ông PMH tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 25 quận Bình Thạnh vào ngày 09/11/2006 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 218 quyền số 02.

Quá trình chung sống có 02 con chung, tên PPN, sinh ngày 19/10/2007 và PPK, sinh ngày 31/8/2009.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp về quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không hòa hợp, những mâu thuẫn trong hôn nhân không thể giải quyết, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm trở nên trầm trọng không thể hàn gắn.

Từ cuối năm 2017 đến nay ông H. và bà đã ly thân.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ gia đình là không thể, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. để ổn định cuộc sống.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H. cấp dưỡng nuôi con.

- Ông PMH có gửi Đơn đề nghị ngày 08/5/2018 đến Tòa án, trong đơn ông H. đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của bà N..

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn, bà TTTN có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn, bà Phương vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

- Bị đơn, ông PMH vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về nội dung vụ án, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng, đối với bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, chứng cứ của nguyên đơn nộp và nơi cư trú của bị đơn, căn cứ khoản 1 điều 51 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập đương sự là bị đơn, ông PMH tham gia các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng ông PMH vắng

mặt không có lý do. Ngày 08/5/2018 ông H. gửi đơn đề nghị đến Tòa án, trong đơn ông H. trình bày rằng đã nhận được các giấy triệu tập của Tòa án, nhưng do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng ông H. vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Nên căn cứ điểm a, b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 218 quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường 25, quận Bình Thạnh cấp ngày 09/11/2006 thì hôn nhân giữa bà TTTN và ông PMH là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự thì vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn với nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên bà N. và ông H. đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Bà N. yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 2901/2017/QĐ-CCTLCC ngày 29/12/2017 và 2827/2017/QĐ-CCCC ngày 20/12/2017 để xác minh tình trạng cư trú của ông H., cũng như xác minh tình trạng hôn nhân của bà TTTN và ông PMH. Được địa phương cho biết hiện nay ông H. vẫn còn cư trú tại địa chỉ 24/50 đường D3, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây ông H. và bà N. có cùng cư trú tại địa chỉ 24/50 đường D3, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, trong quá trình sống tại địa phương đương sự không có trình báo về mâu thuẫn gia đình.

Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn, ông PMH lên để trình bày ý kiến, cũng như đã mời các bên đương sự tham gia các phiên hòa giải, nhằm mục đích hòa giải mâu thuẫn gia đình, giải thích, động viên để hai bên đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc, tuy nhiên phía bị đơn là ông PMH cũng không có mặt. Nhận thấy việc ông H. vắng mặt tại các buổi hòa giải và sau đó ngày 08/5/2018 đã gửi đơn đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của bà N., thể hiện ông H. không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này, không thể hiện thiện chí cũng như nỗ lực để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bà N. đã từng nộp đơn xin ly hôn một lần được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý vào ngày 11/8/2017 nhưng sau đó bà N. đã tự nguyện rút lại đơn xin ly hôn và được Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 2361/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2017.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N. và ông H. đã thực sự tan vỡ; bà N. và ông H. không còn quan tâm đến nhau, không còn chung sống với nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo khoản 1 Điều 56, Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà TTTN là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung, tên PPN, sinh ngày 19/10/2007 và PPK, sinh ngày 31/8/2009, bà N. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H. trong Đơn ngày 08/5/2018 trình bày cứ giải quyết theo yêu cầu của bà N.. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai trẻ đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và cũng hiện đang ở cùng mẹ, đồng thời tại hai bản tự khai của hai trẻ cũng trình bày xin được ở với mẹ. Xét thấy cần

thiết đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất cũng như đáp ứng mong muốn về tình cảm, tinh thần của trẻ nhỏ, nên chấp nhận yêu cầu của bà N.. Bà N. cũng không yêu cầu ông H. cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N. khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: bà N. phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; điểm a, b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà TTTN. Bà TTTN ly hôn với ông PMH.

2/ Về con chung: Giao hai trẻ tên PPN, sinh ngày 19/10/2007 và PPK, sinh ngày 31/8/2009 cho bà TTTN trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông PMH có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà TTTN;

Ông PMH có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: bà TTTN phải chịu 300.000 đồng, được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003207 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh.

Án xử công khai, bà TTTN, ông PMH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q.Bình Thạnh;
- Ủy ban nhân dân phường 25, Q. Bình Thạnh;
- Các đường sự,
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Bích Vân